

Bản án số:09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thị Ngọc Nga

*Các Hội Thẩm nhân dân*

1. Bà Trần Thị Trúc Hoa

2. Bà Hoàng Thị Chính

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Minh N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Minh N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh N và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 08/05/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ Tổ Kha L, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp về mọi mặt, vợ chồng sống với nhau không có tình cảm. Vợ chồng không thể ngồi nói chuyện được với nhau, khiến cuộc sống căng thẳng, ảnh hưởng đến con cái. Mâu thuẫn được gia đình khuyên can, hoà giải nhưng không thành. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị N có làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hà C, sinh ngày 15/08/2018. Ly hôn, chị N đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn là anh Phạm Quốc T trình bày:** Đã được Toà án triệu tập và ra thông báo yêu cầu cung cấp lời khai nhưng không cung cấp lời khai, ý kiến cho Toà án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh N được ly hôn với anh Phạm Quốc T. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hà C cho chị Phạm Minh N nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; bị đơn có nơi ở hiện tại phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt

không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Toà án thu thập đủ cơ sở xác định: Chị Phạm Minh N và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 08/05/2018. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của chị Phạm Minh N và anh Phạm Quốc T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân từ bất đồng tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hiện vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và không có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hà C, sinh ngày 15/08/2018. Ly hôn, chị N đề nghị được nuôi con chung.

Xét con chung hiện đang ở với chị N, chị N cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nên để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là cháu Phạm Hà C cho chị N nuôi dưỡng.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị N không đề nghị giải quyết, anh T không có ý kiến gì cung cấp cho Toà nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 1 Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh N được ly hôn với và anh Phạm Quốc T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hà C, sinh ngày 15/08/2018 cho chị Phạm Minh N nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Chị Phạm Minh N không đề nghị giải quyết, anh Phạm Quốc T không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa án nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004933 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Minh N đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Nam Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng (GCN kết hôn số 26/2018 ngày 08/05/2018);
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ngọc Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Chính    Trần Thị Trúc Hoa**

**Phạm Thị Ngọc Ngà**



